

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: **670** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum ngày **14** tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1375/STC-TCĐN ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Văn bản số 1645/STC-TCĐN ngày 22/6/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước năm 2016 theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp được phê duyệt, các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước triển khai thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và các nội dung liên quan theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước triển khai thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Các Giám đốc Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm chủ sở hữu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Cục TCDN);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5 **LS**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

# TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM 2016



| STT | Tên Doanh Nghiệp                          | Chỉ tiêu 1 (triệu đồng) |           |          | Chỉ tiêu 2 (triệu đồng)         |           |                                       |           |                                |           | Chỉ tiêu 3 |                         |                                | Chỉ tiêu 4 | Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích |           |           | Tổng hợp Xếp loại năm 2016 |          |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------|-----------|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------------------|-----------|--------------------------------|-----------|------------|-------------------------|--------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------------------------|----------|
|     |                                           | Kế hoạch                | Thực hiện | Xếp loại | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |           | Vốn Chủ sở hữu bình quân (triệu đồng) |           | Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn (%) |           | Xếp loại   | Nợ quá hạn (triệu đồng) | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Xếp loại   | Xếp loại                                              | Kế hoạch  | Thực hiện |                            | Xếp loại |
|     |                                           |                         |           |          | Kế hoạch                        | Thực hiện | Kế hoạch                              | Thực hiện | Kế hoạch                       | Thực hiện |            |                         |                                |            |                                                       |           |           |                            |          |
| I   | Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh         |                         |           |          |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         |                                |            |                                                       |           |           |                            |          |
| 1   | Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum | 214.934                 | 222.339   | A        | 11.263                          | 15.571    | 54.962                                | 50.000    | 20,49                          | 31,14     | A          |                         | 2,92                           | A          | A                                                     |           |           |                            | A        |
| 2   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô        | 10.800                  | 10.172    | B        | 972                             | 1.012     | 19.098                                | 19.269    | 5,09                           | 5,25      | A          |                         | 1,13                           | A          | B                                                     |           |           |                            | B        |
| II  | Doanh nghiệp hoạt động công ích           |                         |           |          |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         |                                |            |                                                       |           |           |                            |          |
| 1   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông     | 19.000                  | 30.290    | A        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            | 2.800                   | 1,22                           | C          | B                                                     | 52.523,21 | 52.682,17 | A                          | B        |
| 2   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy       | 1.904                   | 2.356     | A        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         | 24,76                          | A          | B                                                     | 19.402,85 | 19.402,85 | A                          | B        |

*Handwritten signature*





| STT | Tên Doanh Nghiệp                      | Chỉ tiêu 1 (triệu đồng) |           |          | Chỉ tiêu 2 (triệu đồng)         |           |                                       |           |                                |           | Chỉ tiêu 3 |                         |                                | Chỉ tiêu 4 | Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích |           |           | Tổng hợp Xếp loại năm 2016 |          |
|-----|---------------------------------------|-------------------------|-----------|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------------------|-----------|--------------------------------|-----------|------------|-------------------------|--------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------------------------|----------|
|     |                                       | Kế hoạch                | Thực hiện | Xếp loại | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |           | Vốn Chủ sở hữu bình quân (triệu đồng) |           | Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn (%) |           | Xếp loại   | Nợ quá hạn (triệu đồng) | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Xếp loại   | Xếp loại                                              | Kế hoạch  | Thực hiện |                            | Xếp loại |
|     |                                       |                         |           |          | Kế hoạch                        | Thực hiện | Kế hoạch                              | Thực hiện | Kế hoạch                       | Thực hiện |            |                         |                                |            |                                                       |           |           |                            |          |
| 3   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi  | 807                     | 350       | C        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         | 3,34                           | A          | C                                                     | 16.364,24 | 16.275,93 | B                          | C        |
| 4   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai | 6.097                   | 5.768     | B        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         | 1,80                           | A          | B                                                     | 30.485,77 | 30.469,60 | B                          | B        |
| 5   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei  | 7.722                   | 11.857    | A        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            | 1.001                   | 1,65                           | C          | B                                                     | 20.292,22 | 19.899,04 | B                          | B        |
| 6   | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy   | 6.974                   | 14.697    | A        |                                 |           |                                       |           |                                |           |            |                         | 3,11                           | A          | B                                                     | 27.223,64 | 27.160,62 | B                          | B        |